

Số: 389/QĐ-CĐSP

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

Căn cứ Thông tư 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-CĐSP ngày 16/6/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-CĐSP ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Lạng Sơn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSP Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng QLĐT&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: 51140201).

Điều 2. Chương trình áp dụng từ khóa đào tạo tuyển sinh năm 2023, triển khai thực hiện từ năm học 2023 – 2024 và đảm bảo các quy định trong quy chế đào tạo hiện hành.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT, các PHT;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, QLĐT&HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thế Dương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 389/QĐ-CĐSP, ngày 11 tháng 8 năm 2023)

Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**
Mã ngành: **51140201**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên**
Thời gian đào tạo: **3,0 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ Cao đẳng ngành giáo dục Mầm non có chất lượng tốt, có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đáp ứng chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non; có khả năng học tập liên thông ở các bậc học cao hơn.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo, người học có khả năng:

- Vận dụng được kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống;
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản và các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục Mầm non;
- Có năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ;
- Có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; năng lực giao tiếp, năng lực phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục Mầm non;
- Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- CH01: Vận dụng kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
- CH02: Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản cần thiết vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.
- CH03: Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành giáo dục mầm non về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm

non, giáo dục học mầm non, vệ sinh - dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non, quan sát, đánh giá, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *CH04*: Có trình độ tin học tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2.2. Kỹ năng

- *CH05*: Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo

+ Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Quan sát, tìm hiểu và đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *CH06*: Kỹ năng thực hành

+ Kỹ năng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; vận dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an toàn cho trẻ để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân;

+ Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả;

+ Kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và điều chỉnh hoạt động phù hợp với mục tiêu đề ra.

+ Phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

- *CH07*: Kỹ năng giao tiếp

+ Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau.

+ Quản lý được cảm xúc của bản thân, có khả năng lắng nghe, cảm hóa và thuyết phục trẻ, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống chăm sóc giáo dục trẻ.

+ Hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *CH08*: Năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tương đương bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- *CH09*: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong tổ chức các hoạt động của nhà trường mầm non, thích ứng với các điều kiện làm việc thay đổi.

- *CH10*: Hướng dẫn, giám sát trẻ, đồng nghiệp, gia đình, cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm với các nhiệm vụ được giao.

- *CH11*: Tự đánh giá chất lượng công việc của bản thân, đánh giá chất lượng công việc của đồng nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian đào tạo:

Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

100 tín chỉ (Không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

- Kiến thức giáo dục đại cương:	24 tín chỉ
- Kiến thức nghiệp vụ:	13 tín chỉ
- Thực tập nghề nghiệp:	07 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 52 tín chỉ	
<i>Kiến thức cơ sở ngành:</i>	23 tín chỉ
<i>Kiến thức chuyên ngành:</i>	29 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần tương đương:	04 tín chỉ

4. Tuyển sinh:

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lạng Sơn.

4.3. Phương thức tuyển sinh:

- Lấy kết quả điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT hàng năm hoặc kết quả học tập ở cấp THPT để xét tuyển;
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Các nội dung khác của công tác tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

5. Tổ chức đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ kèm theo Quyết định số 299/QĐ-CĐSP ngày 16/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.

Thang điểm đánh giá:

Thang điểm 10, Điểm chữ: Được tính theo quy định tại Điều 8 của Quy chế.

Thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

- *Loại đạt:*

từ 8,5 đến 10,0	A
từ 8,0 đến 8,4	B ⁺
từ 7,0 đến 7,9	B
từ 6,5 đến 6,9	C ⁺
từ 5,5 đến 6,4	C
từ 5,0 đến 5,4	D ⁺
từ 4,0 đến 4,9	D

- Loại đạt không phân mức:

P	Từ 5.0 trở lên
---	----------------

- Loại không đạt:

F	dưới 4,00
---	-----------

- **Thang điểm 4:** Được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số hệ 4 theo điều 10 của Quy chế như sau:

A	4
B+	3,5
B	3
C+	2,5
C	2,0
D+	1,5
D	1,0
F	0

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (Giờ)			
				Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/Thực hành/Thực tế/thí nghiệm	Kiểm tra/thi
1. Kiến thức giáo dục đại cương			24	500	220	255	25
1	C10.ĐC01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	40	20	18	2
2	C10.ĐC02	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	60	30	28	2
3	C10.ĐC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	40	20	18	2
4	C10.ĐC04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	60	30	28	2
5	C10.ĐC05	Pháp luật đại cương	2	40	20	18	2
6	C10.ĐC06	Tiếng Anh 1	2	45	15	27	3
7	C10.ĐC07	Tiếng Anh 2	2	45	15	27	3
8	C10.ĐC08	Tiếng Anh 3	2	45	15	27	3
9	C10.ĐC09	Quản lý HCNN&QLN	2	40	20	18	2
10	C10.ĐC10	Tin học	2	45	15	28	2

11	C10.ĐC11	Tiếng Việt thực hành	2	40	20	18	2
12	C10.ĐC12	Giáo dục thể chất	CC	60	5	53	2
13	C10.ĐC13	Giáo dục QP&AN	CC	165	77	88	
2. Kiến thức nghiệp vụ			13	265	125	129	11
14	C10.NV01	Tâm lý học mầm non	4	75	45	27	3
15	C10.NV02	Giáo dục học đại cương	2	40	20	18	2
16	C10.NV03	Giáo dục học mầm non	3	60	30	28	2
17	C10.NV04	Thực hành NV sư phạm 1	2	45	15	28	2
18	C10.NV05	Thực hành NV sư phạm 2	2	45	15	28	2
3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			52	1040	515	487	38
3.1. Kiến thức cơ sở ngành			23	430	255	159	16
<i>* Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)</i>			21	390	235	141	14
19	C10.MN01	Mỹ thuật	2	45	15	28	2
20	C10.MN02	Âm nhạc	4	90	30	58	2
21	C10.MN03	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	30	28		2
22	C10.MN04	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	60	30	28	2
23	C10.MN05	Giáo dục hoà nhập	2	30	29		1
24	C10.MN06	Quản lý trong GDMN	2	30	29		1
25	C10.MN07	Đánh giá trong giáo dục MN	2	30	29		1
26	C10.MN08	Vệ sinh - Dinh dưỡng - Phòng bệnh cho trẻ em	4	75	45	27	3
<i>* Kiến thức cơ sở ngành (chọn 1 trong 4 HP)</i>			2	40	20	18	2
27	C10.MN09	Giáo dục gia đình	2	40	20	18	2
28	C10.MN10	Phương pháp NCKH GDMN	2	40	20	18	2
29	C10.MN11	Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	2	40	20	18	2
30	C10.MN12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	40	20	18	2
3.2. Kiến thức chuyên ngành			29	610	260	328	22
<i>* Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)</i>			27	570	240	310	20
31	C10.MN13	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	60	30	28	2
32	C10.MN14	Tổ chức hoạt động tạo hình	3	60	30	28	2
33	C10.MN15	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	45	15	28	2
34	C10.MN16	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	60	30	28	2
35	C10.MN17	Phương pháp làm quen với văn học	3	60	30	28	2
36	C10.MN18	Phương pháp làm quen với toán	3	60	30	28	2

37	C10.MN19	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	60	30	28	2
38	C10.MN20	Phương pháp giáo dục thể chất	3	60	30	28	2
39	C10.MN21	Phương pháp làm đồ chơi	2	60		58	2
40	C10.MN22	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	2	45	15	28	2
<i>*Kiến thức chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 HP)</i>			2	40	20	18	2
41	C10.MN23	Giáo dục mầm non theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	2	40	20	18	2
42	C10.MN24	Giáo dục Stem ở trường MN	2	40	20	18	2
43	C10.MN25	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em dưới 6 tuổi	2	40	20	18	2
44	C10.MN26	Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2	40	20	18	2
4. Thực tập sư phạm			7	315	0	315	0
45	C10.TT01	<i>Thực tập giữa khóa</i>	2	90		90	
46	C10.TT02	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	5	225		225	
5. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương			4	80	40	36	4
47	C10.MN27	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	40	20	18	2
48	C10.MN28	Giáo dục kĩ luật tích cực cho trẻ mầm non	2	40	20	18	2
Tổng			100	1885	900	907	78

8. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non ở các cơ sở chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;
- Giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp cho giáo sinh ngành Giáo dục mầm non;
- Tư vấn viên hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ em cho cha mẹ và cộng đồng;
- Nhân viên thực hiện công tác chuyên môn về giáo dục mầm non tại các phòng, sở giáo dục và đào tạo.

9. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn ở trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non hoặc các lĩnh vực có liên quan.

10. Các chương trình có thể tham khảo

10.1. Chương trình giáo dục mầm non

Trình độ: Đại học

Đơn vị xây dựng chương trình: Đại học Thủ Đô Hà Nội

10.2. Chương trình giáo dục mầm non

Trình độ: Cao đẳng

Đơn vị xây dựng chương trình: Cao đẳng Sư phạm Trung ương

10.3. Chương trình giáo dục mầm non

Trình độ: Cao đẳng

Đơn vị xây dựng chương trình: Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh

10.4. Chương trình giáo dục mầm non

Trình độ: Cao đẳng

Đơn vị xây dựng chương trình: Cao đẳng Vĩnh Phúc

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được phát triển theo hướng liên thông với chương trình đại học cùng ngành. Nội dung của chương trình tập trung vào những vấn đề sau:

- Những kiến thức và hiểu biết chung về sự phát triển toàn diện của trẻ, bao gồm sự phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội.

- Những kiến thức và kỹ năng chính cần có trong các chương trình Giáo dục Mầm non dựa trên mục tiêu của giáo dục nói chung và của giáo dục mầm non nói riêng.

- Kiến thức chuyên sâu của 01 trong các học phần: Giáo dục kĩ luật tích cực cho trẻ mầm non; Giáo dục Stem ở trường Mầm non; Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em dưới 6 tuổi; Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

- Quy tắc về nghề sư phạm.

11.2. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Ngoài các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần, cần xây dựng một hệ thống đánh giá thu thập các dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên, dựa trên việc thực hiện các bài tập dưới các dạng bài tập nghiên cứu tại cơ sở Giáo dục Mầm non; Nghiên cứu sâu trường hợp; Viết thu hoạch, trao đổi đàm thoại trình bày trong lớp học cũng như qua thời gian thực hành, thực tập hoặc có thể được đánh giá bằng các sản phẩm cụ thể. Việc sử dụng hay coi trọng hình thức đánh giá nào phải phù hợp với thời lượng tương ứng cho mỗi học phần.

11.3. Thực tập nghề nghiệp:

- Nội dung của thực hành, thực tập bao gồm cả phần lý thuyết và thực tiễn. Phần thực tiễn giảng dạy đòi hỏi sinh viên phải có mối liên hệ với một cơ sở Giáo dục Mầm non nào đó và giai đoạn thực hành, thực tập phải được theo dõi, hướng dẫn bởi giáo viên của cơ sở đào tạo.

- Tất cả sinh viên ngành giáo dục mầm non phải được thực hành, thực tập đầy đủ các nội dung cơ bản của phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Ngoài ra các sinh viên đăng ký học các học phần tự chọn chuyên ngành được tăng cường giờ thực hành, thực tập liên quan đến học phần tự chọn. Trong quá trình đi thực hành thực tập sinh viên cần làm báo cáo dưới dạng bài tập nghiên cứu.

- Phòng QLĐT&HTQT, Khoa Đào tạo giáo viên thiết kế phiếu đánh giá giờ dạy của sinh viên để giúp sinh viên phát triển và ứng dụng những kiến thức, kỹ năng cũng như có được sự chuẩn bị cần thiết để dạy học.

- Một số nội dung và giai đoạn thực hành nghề nghiệp cần được tổ chức tại các cơ sở giáo dục mầm non đạt chuẩn quốc gia và các cơ sở giáo dục mầm non theo các mô hình giáo dục tiên tiến.

11.4. Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý một số nội dung sau:

- Tất cả sinh viên phải tham gia học đủ các học phần bắt buộc, 01 học phần tự chọn cơ sở ngành, 01 học phần tự chọn chuyên ngành và các chứng chỉ, chứng nhận bắt buộc. Các môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc môn học đạt không phân mức theo quy chế đào tạo.

- Các học phần đòi hỏi điều kiện tiên quyết; Kế hoạch thực hiện chương trình phải trung thành với chương trình khung, đồng thời vận dụng linh hoạt, phù hợp với các đối tượng đào tạo cụ thể. Phòng QLĐT&HTQT và các phòng, khoa có liên quan căn cứ vào chương trình khung, kế hoạch, nhiệm vụ từng năm học, từng học kỳ để bố trí các học phần đảm bảo tính logic, khoa học, thuận lợi và hiệu quả cao trong tổ chức đào tạo.

- Việc giảng dạy các học phần trong chương trình cần dựa trên những kinh nghiệm học tập đã có của sinh viên và phát triển ở họ tri thức, kỹ năng, thái độ theo mục tiêu của chương trình. Tăng cường việc giao bài tập cho sinh viên tự học và thảo luận trên lớp. Hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu để giúp sinh viên không chỉ học tốt các học phần trong chương trình mà còn học cao hơn và học tập suốt đời.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thế Dương